

Bản án số: 78/2021/DS - ST.

Ngày: 22 - 10 - 2021.

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Bảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thanh Rực;

Ông Thạch Hoàng Tha.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hiệp Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2020/TLST-DS ngày 30/11/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2021/QĐXXST - DS, ngày 23 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng C; địa chỉ: Số x, Phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Trương Quốc K – Giám đốc phụ trách phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Long Phú; địa chỉ: Ấp X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn “Quyết định ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng C V/v Ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án” (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1965 và ông Lê Văn C (Lê Văn T), sinh năm 1966; cùng địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Bà H và ông C đều vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện lập ngày 21/9/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 28/9/2005, bà Lê Thị H và chồng là ông Lê Văn C có làm giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay để vay của Ngân hàng C (gọi tắt là: Ngân hàng) số tiền 7.000.000 đồng theo chương trình vay Hộ nghèo. Mục

đích vay: Chăn nuôi bò. Thời hạn vay 36 tháng, kỳ hạn trả nợ 06 tháng một lần. Lãi suất 0,45%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay. Bà H là người vay, ông C là người thừa kế. Ngân hàng phê duyệt và tiến hành giải ngân ngày 28/9/2005 với số tiền là 7.000.000đồng và xác định hạn trả nợ cuối cùng là ngày 28/9/2008, bà H và ông C đã nhận đủ số tiền trên. Sau đó đến ngày 11/6/2014 Ngân hàng đã tiến hành khoan nợ đối với khoản vay này của bà H và ông C theo Quyết định số 892/QĐ-TTg ngày 11/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ đến hết ngày 11/6/2019 và tiến hành xóa toàn bộ lãi nợ cho bà H và ông C. Tuy nhiên, từ ngày 12/6/2019 đến nay bà H và ông C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn và nhiều lần yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà H và ông C không thực hiện.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Lê Thị H và chồng là ông Lê Văn C phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C với tổng số tiền còn nợ đã quá hạn tính đến ngày 22/10/2021 là 8.680.195 đồng (tiền nợ gốc: 7.000.000 đồng, nợ lãi 1.680.195đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng của khoản vay cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2021 bị đơn ông Lê Văn C trình bày:* Năm 2005 ông và vợ là bà Lê Thị H có làm giấy đề nghị vay vốn để vay của Ngân hàng C số tiền là 7.000.000đồng theo chương trình cho vay hộ nghèo; bà là Hòa người vay và ông là người thừa kế. Ngân hàng đã giải ngân, ông và bà H đã nhận đủ số tiền 7.000.000đồng, đúng như nội dung khởi kiện của Ngân hàng. Tuy nhiên, sau khi ông và bà H mua bò về nuôi được vài tháng thì bò bị chết do ăn nhầm khu vực cỏ bị xịt thuốc trừ sâu, sau đó ông và bà H trình báo lại cho địa phương và Ngân hàng biết sự việc, đại diện Ngân hàng có đến xem xét và sau đó lập văn bản xóa nợ cho hộ bà H đối với khoản vay này nhưng phía đại diện Ngân hàng giữ biên bản này. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông và bà Lê Thị H có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 7.000.000đồng và lãi phát sinh thì ông không đồng ý vì khoản vay này vợ chồng ông đã được Ngân hàng xóa nợ.

Đối với bị đơn bà Lê Thị H: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà H, nhưng bà không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà H hai lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn..

- *Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến:* Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận

tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 295, Điều 467, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 51 Điều 54 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997 tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Từ sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà Lê Thị H nhưng bà không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà H hai lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không lý do. phiên tòa bị đơn bà Lê Thị H và ông Lê Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay gốc là 7.000.000đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình Ngân hàng có cung cấp cho Tòa án giấy đề nghị vay vốn của bà Lê Thị H, kèm sổ lưu từ ròi theo dõi nợ vay – thu nợ - thu lãi - dư nợ được giải ngân vào ngày 28/9/2005, mã món vay: 6000006200151606, bà H là người vay và ông C là người thừa kế thì tại mục người vay có dấu lấn tay của bà Lê Thị H và mục người thừa kế có chữ ký tên Lê Văn Trí và các giấy tờ khác có liên quan. Xét thấy việc ký kết các khoản vay theo giấy đề nghị vay vốn giữa bà Lê Thị H và ông Lê Văn C với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện. Tại thời điểm ký kết, các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ thẩm quyền và năng lực giao kết hợp đồng. Hợp đồng đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật. Trong quá trình giải quyết, bị đơn ông Lê Văn C thừa nhận việc ông và vợ là bà Lê Thị H thống nhất với nhau làm đề nghị vốn của Ngân hàng để vay số tiền 7.000.000đồng theo chương trình cho vay hộ nghèo, bà H là người vay, ông là người thừa kế. Ngân hàng đã giải ngân, ông và bà H đã nhận đủ số tiền vay này. Đối với bị đơn bà Lê Thị H trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà H nhưng bà không có ý kiến phản đối gì. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì những tình tiết nêu trên không phải chứng minh nên đủ cơ sở xác định bà Lê Thị H và ông Lê Văn C có thực hiện việc vay vốn của Ngân hàng C số tiền 7.000.000đồng là có thật. Mặc dù ông C cho rằng đối với khoản vay này ông và bà H đã được Ngân hàng xóa nợ với lý do trong quá trình chăn nuôi bò thì bò bị chết do ăn nhầm khu vực cỏ bị xịt thuốc trừ sâu. Mặc dù Tòa án có thông báo yêu cầu ông C cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc này tuy nhiên ông không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không đồng ý với nội dung trình bày của ông C vì Ngân hàng hoàn toàn không có thực hiện việc xóa nợ đối với khoản vay này của bà H và ông C. Ngoài ra, mặc dù bà H là người trực tiếp đứng tên người vay nhưng ông C là chồng bà H, là thành viên của hộ, việc vay vốn của Ngân hàng chính sách mục đích phát triển kinh tế gia đình, vì lợi ích chung của hộ. Căn cứ quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự năm 1995 “*Giao*

*dịch dân sự do người đại diện của hộ gia đình xác lập, thực hiện vì lợi ích chung của hộ làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cả hộ gia đình”*. Vì vậy, bà Lê Thị H và ông Lê Văn C phải cùng có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C. Do đó, Ngân hàng C yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị H và ông Lê Văn C phải trả số tiền gốc 7.000.000đồng là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 54 của Luật các tổ chức tín dụng năm 1997; Điều 467, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 1995 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về lãi suất: Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền lãi còn nợ tính đến ngày 22/10/2021 là 1.680.195 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn của bà Lê Thị H và ông Lê Văn C, kèm sổ lưu từ rời theo dõi nợ vay – thu nợ - thu lãi - dư nợ được giải ngân vào ngày 28/9/2005, mã món vay: 6000006200151606 xác định lãi suất cho vay trong hạn là 0,4%/tháng và lãi suất quá hạn 130% lãi suất cho vay trong hạn. Xét mức lãi suất do các bên thỏa thuận là phù hợp theo quy định tại Điều 51 của Luật các tổ chức tín dụng năm 1997. Mặt khác, theo bảng kê tính lãi hộ Lê Thị H đến ngày 22/10/2021 của nguyên đơn cung cấp thì sau khi vay bị đơn đã nợ số tiền lãi tính đến ngày 11/6/2019 là 5.113.140 đồng tuy nhiên sau khi tiến hành khoan nợ cho bị đơn với thời hạn 05 năm, từ ngày 11/6/2014 đến ngày 11/6/2019 thì phía Ngân hàng cũng đã tiến hành xóa toàn bộ phần nợ lãi này cho bị đơn, số tiền lãi còn nợ tính từ ngày 12/6/2019 cho đến ngày 22/10/2021 là 1.680.195 đồng. Do vậy, việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết, bị đơn là người có lỗi và là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Như vậy, bị đơn phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng tạm tính đến ngày 22/10/2021 của khoản vay là 1.680.195 đồng và tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả xong nợ gốc là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn buộc bị đơn bà Lê Thị H và ông Lê Văn C có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C với tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 22/10/2021 là 8.680.195 đồng, trong đó tiền nợ gốc 7.000.000đồng, tiền nợ lãi 1.680.195 đồng. Kể từ ngày 23/10/2021, bà H và ông C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán của khoản vay, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[5]. Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn bà Lê Thị H và ông Lê Văn C phải chịu 434.009 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 295, Điều 467 và 471 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 51, Điều 54 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C: Buộc bà Lê Thị H và ông Lê Văn C có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C dư nợ tính đến ngày 22/10/2021 với số tiền vay gốc là 7.000.000đồng (Bảy triệu đồng), tiền lãi là 1.680.195đồng, tổng cộng là 8.680.195 đồng (Tám triệu, sáu trăm tám chục nghìn một trăm chín mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Lê Thị H và ông Lê Văn C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán của khoản vay, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc cho Ngân hàng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H và ông Lê Văn C phải chịu 434.009 đồng (Bốn trăm ba mươi bốn nghìn không trăm lẻ chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền giao kết thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án);
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hoàng Bảo**